

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						465 579	213 209	252 370			
I		CẢNG CHÍNH						70 384	28 265	42 119			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>27 755</i>	<i>27 651</i>	<i>104</i>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	11/10	626B/10		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 650	20 605	45	13/10	HỘ LỚN	TTCO: 20.605,01 Thay TBRT 626/10
2		ĐẠM NINH BÌNH	13/10	653/10	23/10	NB 8519 (TIẾN QUỲNH 01)	CÁM 4A.1	3 005	2 987	18	13/10	HỘ LỚN	
3		KDT HÀ NỘI	12/10	2620/10	19/10	HN 2534	CỤC 4A.1	1 700	1 689	11	13/10	TD	
4		ĐTTM & DỊCH VỤ	12/10	2616/10	19/10	HD 2359	CÁM 4B.1	2 400	2 370	30	13/10	TD	Thay TBRT 2473/9
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						6 830	613	6 217			
1		ĐIỆN NGHI SƠN	14/10	657/10	24/10	MINH PHÚC 555	CÁM 5A.10	4 300		4 300		HỘ LỚN	
2		VẬN TÀI THỦY	12/10	2537/10	19/10	HP 5097	CỤC XÔ 1C	1 030	613	417	RÓT DỖ	TD	GIA HẠN L1
3		KDT MIỀN BẮC	13/10	2626/10	20/10	BN 2115	CÁM 1	1 500		1 500		TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						35 799		35 799			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	13/10	656/10	23/10	VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	
2		XNK ANH KHOA	08/10	2508/10	15/10	BN 1883	CỤC XÔ 1C	1 230		1 230		TD	GIA HẠN L1
3		TRƯỜNG ANH 888	13/10	2528/10	20/10	BN 2615	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
4		VT & KDT	06/10	2559/10	13/10	NB 8707	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	
5		THAN MIỀN TRUNG	08/10	2587/10	15/10	VIỆT TRUNG 69	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
6		ĐTTM & DỊCH VỤ	10/10	2600/10	17/10	BN 2616	CÁM 4B.1	1 700		1 700		TD	Thay TBRT 2474/9
7		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	13/10	2624/10	20/10	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
8		THAN SÔNG HỒNG	13/10	2621/10	20/10	BN 1348	CÁM 4B.1	993		993		TD	
9		ĐTTM & DỊCH VỤ	13/10	2519/10	20/10	BN 2228	CỤC XÔ 1C	1 096		1 096		TD	GIA HẠN L1
10		KDT MIỀN BẮC	13/10	2629/10	20/10	HP 5915	CÁM 1	2 280		2 280		TD	
11		THAN SÔNG HỒNG	13/10	2630/10	20/10	BN 1746	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
		Tàu chuyển tải						213 300	126 746	86 554			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						70 450	70 396	54			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	03/10	631/10		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.1	29 200	29 120	80	13/10	HỘ LỚN	TTHG: 24.943,97 KVCP: 4.175,65
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	03/10	630/10		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.10	41 250	41 276	- 26	13/10	HỘ LỚN	KDTCP: 10.319,7 CLM: 22.015,14 KVCP: 8.941,11
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						120 050	56 350	63 700			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		ĐIỆN DUYỄN HẢI	07/10	629B/10		VINACOMIN 30-01	CẨM 6A.14	26 600	26 600		ĐANG CHỜT	HỘ LỚN	TTCO: 14.609 CLM: 5.000 KDTCP: 6.000 Thay TBRT 629/10
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	07/10	641/10		VIỆT THUẬN OCEAN	CẨM 6A.1	46 500	20 700	25 800	BỐC DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 20.000 KVCP: 26.500
3		XNK THAN	07/10	640/10		VIỆT THUẬN 235-02	CẨM 5A.1	11 650	2 000	9 650	BỐC DỖ	PTCB	TTHG: 23.650 Thay TBRT 632/10
							CẨM 5B.1	12 000	6 050	5 950			
4		KDT MIỀN BẮC	09/10	646/10		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CẨM 5A.1	11 500	1 000	10 500	BỐC DỖ	PTCB	TTHG 23.300
							CẨM 5B.1	11 800		11 800			
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							22 800		22 800			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/10	652/10		QUANG VINH 188	CẨM 6A.1	22 800		22 800		HỘ LỚN	TTHG: 20.000 KVCP: 2.800
II	KHO G9-HÓA CHẤT							58 773	20 712	38 061			
	Tàu đã làm hàng							14 129	13 917	212			
1		DVVT QUẢNG NINH	09/10	2598/10	19/10	BN 0766	CỤC XÔ 1B	1 200	1 196	4	13/10	PTCB	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 2191/8
2		XNK THAN	08/10	2585/10	18/10	HP 6786	CẨM 7C	2 668	2 647	21	13/10	PTCB	
3		KDT CẦU ĐUÔNG	12/10	2617/10	22/10	HD 1486	CẨM 7B	1 600	1 579	21	13/10	PTCB	NGUỒN CS
4		KDT HÀ BẮC	12/10	2619/10	22/10	BN 1313	CẨM 7B	1 845	1 826	19	13/10	PTCB	NGUỒN CS
5		SX & TM THAN UÔNG BÍ	06/10	2551/10	13/10	NISSI 777	CẨM 8A	1 940	1 930	10	13/10	TD	NGUỒN ĐN-C6
6		THÁI DƯƠNG STAR	10/10	2577B/10	17/10	QN 7339	CẨM 8A	4 876	4 739	137	13/10	TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT Số 2577/10
	Tàu dự kiến rút trong ngày							15 596	6 795	8 801			
1		ĐÀM HÀ BẮC	11/10	648/10	21/10	TĐ 19-4	CẨM 4A.1	2 800	1 380	1 420	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
2		XNK VTA	11/10	2352/9	18/10	BN 2212	CẨM 8A	1 920	981	939	RÓT DỖ	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2
3		HÀNG HẢI VIỆT NAM	11/10	2506/9	18/10	HD 9189	CẨM 8A	2 300	1 165	1 135	RÓT DỖ	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
4		THÁI SƠN HP	06/10	2557/10	13/10	HD 6299	CẨM 8A	2 316	498	1 818	RÓT DỖ	TD	NGUỒN ĐN-C6
5		MẬT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	11/10	2613/10	18/10	NB 8902	CẨM 8A	2 380	881	1 499	RÓT DỖ	TD	NGUỒN CS
6		MV ANDROS SPIRIT	11/10	5 246		CẨM PHẢ 21	TNK-Mozambique	3 880	1 890	1 990	BỐC DỖ		
	Tàu đã làm lệnh							29 048		29 048			
1		ĐTTM & DỊCH VỤ	07/10	2564/10	14/10	HP 5818	CẨM 8A	3 035		3 035		TD	NGUỒN ĐN-C6
2		ĐTKS ĐÔNG BẮC	07/10	2579/10	14/10	HY 0802	CẨM 8A	1 928		1 928		TD	NGUỒN ĐN-C6

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		ĐTTM & DỊCH VỤ	08/10	2411/9	15/10	BN 2158	CỤC XỎ 1A	1 538		1 538		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
4		ĐTTM & DỊCH VỤ	10/10	2471/9	17/10	BN 2646	CỤC ĐON 8C	1 030		1 030		TD	NGUỒN HL
5		TRƯỜNG ANH 888	11/10	2612/10	18/10	VTT89 (QN 8757)	CÁM 8A	3 260		3 260		TD	NGUỒN ĐN-C6
6		THÁI DƯƠNG STAR	12/10	2615/10	19/10	SG10252	CÁM 8A	2 676		2 676		TD	NGUỒN CS
7		MV ANDROS SPIRIT	09/10	5201		CÁM PHẢ 20	TNK-Mozambique	3 900		3 900			
8		MV ANDROS SPIRIT	10/10	5 215		QNL-TĐ 05	TNK-Mozambique	5 381		5 381			
9		MV ANDROS SPIRIT	12/10	5 270		CỬA ÔNG 05	TNK-Mozambique	2 100		2 100			
10		MV ANDROS SPIRIT	12/10	5 286		CỬA ÔNG 15	TNK-Mozambique	2 100		2 100			
11		MV ANDROS SPIRIT	12/10	5 286		CỬA ÔNG 18	TNK-Mozambique	2 100		2 100			
III		KHO BẢO NGUYỄN						10 240	-	10 240			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						10 240		10 240			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	12/10	650/10	22/10	DỪNG SƠN 88	CÁM 5B.10	4 426		4 426		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	12/10	651/10	22/10	HN 1809	CÁM 5B.10	3 500		3 500		HỘ LỚN	
3		ĐIỆN PHẢ LẠI	13/10	654/10	23/10	TB 1716	CÁM 5B.10	2 314		2 314		HỘ LỚN	
IV		KHO CẢNG KM6						33 382	14 087	19 295			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						13 230	13 038	192			
1		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	11/10	2611/10	21/10	KHÁNH MINH 79	CÁM 5A.1	2 370	2 347	23	13/10	PTCB	
2		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	11/10	2614/10	21/10	VTT 37	CÁM 5B.1	3 200	3 098	102	13/10	PTCB	
3		THAN MIỀN NAM	07/10	2569/10	14/10	HẢI NAM 17	CỤC XỎ 1B	1 200	1 179	21	13/10	TD	NGUỒN QH
							CỤC ĐON 6B	1 300	1 287	13	13/10	TD	NGUỒN QH
4		KHO VẬN ĐÁ BẠC	12/10	2618/10	22/10	NB 8917	CÁM 6A.1	3 060	3 028	32	13/10	CHUYỀN VÙNG	
5		KHO VẬN ĐÁ BẠC	13/10	2623/10	23/10	CỬA ÔNG 14	CÁM 6B.1	2 100	2 098	2	13/10	CHUYỀN VÙNG	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						8 352	1 049	7 303			
1		KDT MIỀN BẮC	13/10	2631/10	23/10	HP 5806	CÁM 6B.1	5 064		5 064		PTCB	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14 THÁNG 10 NĂM 2026

[illegible]

